

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH QUẢNG NINH
BỘ Tài chính
Số. (2) Năm NS: 2021
ĐÃ NHẬP TABMIS
Số 74.5 /QLNS
Ngày .. 10 .. tháng .. 9 .. năm 2021 ..

Đơn vị tính: Đồng

PHIẾU PHÂN BỐ DỰ TOÁN

Nội dung phân bổ: V/v cấp bổ sung kinh phí để thực hiện chế độ đặt thù trong phòng, chống dịch COVID-19

Nguồn Kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí phòng, chống dịch, dự toán ngân sách tỉnh năm 2021

STT	Nội dung	Cấp dự toán	Quyết định/ Thông báo giao dự toán		Mã loại dự toán	TKKT	Mã cấp NS	Mã ĐVQHNS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA và HTCT	Mã KBNN	Mã nguồn NSNN	Số tiền		Số lô bút toán, số ID, Số giao dịch Dossier
			Số	Ngày										Nợ	Có	
I	Chi đầu tư phát															
I	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	Cấp 0														
		Cấp 1														
		Cấp 4 (Dự toán)														
		Cấp 4 (Lệnh chi tiền)														
II	Chi thường xuyên	Cấp 0														
		Cấp 1			01	9253	2	1049934	423	130	99999	2811	29		227.380.000	
		Cấp 4 (Dự toán tự chủ)														
		Cấp 4 (Dự toán không tự chủ)	1309/QĐ-SYT	26/8/2021	01	9527	2	1017339	423	132	00000	2811	12	227.380.000		
		Cấp 4 (LCT tự chủ)														
		Cấp 4 (LCT không tự chủ)														
....																
...	...	...														

Hà long, ngày 27 tháng 8 năm 2021

CQ tài chính ghi sổ ngày tháng năm

Người lập

Kiểm soát

Thủ trưởng đơn vị (5)

Người nhập

Kiểm soát

Thủ trưởng đơn vị

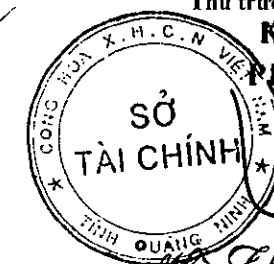
Nguyễn Thành Trung

Nguyễn Thị Vinh



GIÁM ĐỐC
Trịnh Văn Mạnh

Hoàng Việt Chăng



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Hà Thị Thanh Lê

Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạ long, ngày 27 tháng 8 năm 2021

**THUYẾT MINH CHI TIẾT PHẦN KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỦ THEO NỘI DUNG,
NHIỆM VỤ CHI ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN GIAO NĂM 2020**

(PL3 kèm theo mẫu C 06-03/NS)

Nội dung phân bổ: V/v cấp bổ sung kinh phí để thực hiện chế độ đặt thù trong phòng, chống dịch COVID-19(tháng 6 năm 2021)

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Nhiệm vụ A:	227.380.000	
1	Hỗ trợ tiền ăn cho người được huy động phân công tham gia phòng chống dịch, phục vụ cách ly	20.800.000	Phụ lục 1.5
2	Phụ cấp thường trực 24/24 giờ (bao gồm cả PC cho người làm việc Chốt KSLN)	74.880.000	Phụ lục 1.5
4	Phụ cấp chống dịch	131.700.000	Phụ lục 1.4
2	Nhiệm vụ B		
	Tổng số	227.380.000	

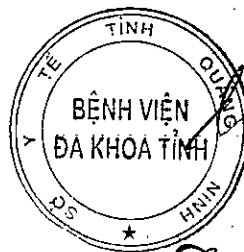
Tổng số tiền (Bằng chữ): Hai trăm hai mươi bảy triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng

Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Kê toán
(ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Vinh

Thủ trưởng
(ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Trịnh Văn Mạnh

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 – Kinh phí thực hiện chế độ đặc thù trong phòng chống dịch Covid 19 (đợt 4)

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật ngân sách số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Y tế Quảng Ninh; Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 về sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND;

Căn cứ Quyết định số 2864/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc cấp bổ sung kinh phí cho Sở Y tế để thực hiện chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid 19 (Tháng 6 năm 2021),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 cho các đơn vị trực thuộc thực hiện chế độ đặc thù trong phòng chống dịch Covid 19 (đợt 4) năm 2021.

Số tiền: **1.002.071.000 đồng** (Chi tiết theo phụ lục gửi kèm).

Nguồn kinh phí: Nguồn kinh phí dự phòng ngân sách, dự toán ngân sách tỉnh năm 2021.

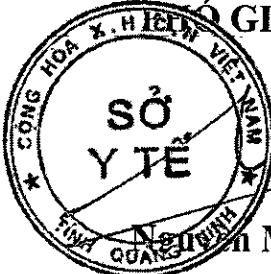
Điều 2. Căn cứ dự toán thu chi ngân sách nhà nước được giao, Các đơn vị thực hiện nhập Tabmis 03 bản và thực hiện chi trả các chế độ đặc thù theo đúng hướng dẫn của Sở Tài chính và Nghị quyết 16/NQ-CP. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về quy trình, đối tượng, thủ tục thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Các Ông (bà): Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính; Chánh văn phòng Sở và Thủ trưởng đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- Công TTĐT SYT (C/khai)
- Sở Tài chính;
- KBNN giao dịch;
- Lưu: VT, KHTC5.

Chức vụ

KT. GIÁM ĐỐC
SỞ Y TẾ

Nguyễn Minh Tuấn

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH



SỔ KINH PHÍ THỰC HIỆN PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP ĐỢT 4 NĂM 2021

DVT: nghìn đồng

TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện chi	Tổng kinh phí	Phụ cấp chống dịch			Phụ cấp thường trực 24/24 giờ (bao gồm cả PC cho người làm việc Chốt KSLN)			Hỗ trợ tiền ăn cho người được huy động, phân công tham gia phòng chống dịch, phục vụ cách ly			Ban chỉ đạo các cấp			Chi khác Pl 1,8
			Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hưởng phụ cấp đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hưởng phụ cấp đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hưởng hỗ trợ đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền	Số người	Số ngày	Số tiền	
	Tổng cộng:	1.002.071	332	2.179	606.250	275	1.829	237.770	30	350	28.000	11	674	67.400	62.651
1	TT kiểm soát bệnh tật	143.080	34	340	98.100	46	346	44.980							
2	Bệnh viện ĐK tỉnh	227.380	62	480	131.700	103	576	74.880	19	260	20.800				
3	BV ĐK Cẩm Phả	26.220	6	64	19.200	6	54	7.020	0	0	0				
4	BVĐK Hạ Long	8.400	9	28	8.400	0	0	0	0	0	0				
5	TTYT Tiên Yên	29.270	22	86	20.300	15	69	8.970	0		0				
6	TTYT Ba Chẽ	33.850	13	53	15.000	17	145	18.850		0	0				
7	TTYT Vân Đồn	73.980	29	184	48.450	19	141	18.330	11	90	7.200				
8	TTYT Cô Tô	11.180	10	15	3.250	8	61	7.930	0	0	0				
9	TTYT Uông Bí	41.390	40	93	18.250	32	178	23.140	0	0	0				
10	TTYT Quảng Yên	39.900	36	146	39.900	0	0	0							
11	TTYT Cẩm Phả	120.921	16	96	28.500	26	229	29.770	0	0	0				62.651
12	Văn phòng Sở Y tế	67.400				0	0	0				11	674	67.400	
13	Bệnh viện Sản Nhi	30.300	9	101	30.300	0	0	0		0	0				

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

Số: ~~2864~~ /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp bổ sung kinh phí cho Sở Y tế để thực hiện chế độ đặc thù
trong phòng, chống dịch COVID-19 (Tháng 6 năm 2021)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Công điện của Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng ngày 27/4/2021 về việc tiếp tục tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 29/3/2020 của Chính phủ về một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 447/QĐ-TTg ngày 01/04/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc công bố dịch COVID-19;

Căn cứ Công điện số 05/CĐ-TTg ngày 28/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 trong tình hình mới;

Căn cứ Thông báo số 22/TB-VPCP ngày 30/01/2021 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về phòng, chống dịch COVID-19;

Căn cứ Công điện số 540/CĐ-TTg ngày 23/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, hoạt động tổ chức các chuyến bay đưa người nhập cảnh Việt Nam;

Căn cứ Công điện số 541/CĐ-TTg ngày 23/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện phòng, chống bệnh COVID-19;

Căn cứ Công điện số 570/CĐ-TTg ngày 02/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch COVID-19;

Căn cứ Thông báo số 98/TB-VPCP ngày 08/5/2021 của Văn phòng Chính phủ thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại cuộc họp trực tuyến toàn quốc của Ban Chỉ đạo quốc gia phòng, chống dịch COVID-19;

Căn cứ Thông báo số 137/TB-VPCP ngày 30/5/2021 của Văn phòng Chính phủ thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp trực tuyến toàn quốc về phòng, chống dịch Covid-19;

Căn cứ Công điện 789/CĐ-TTg ngày 05/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về áp dụng biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 và phát triển kinh tế thực hiện mục tiêu kép;

Căn cứ Chỉ thị số 09 - CT/TU ngày 03/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đợt cao điểm phòng, chống dịch COVID-19 trong tình hình mới;

Căn cứ Thông báo số 195-TB/TU ngày 07/5/2021 của Tỉnh ủy thông báo ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống dịch COVID-19 về việc triển khai các biện pháp cấp bách, chống dịch bệnh COVID-19 trong tình hình mới tại cuộc họp ngày 07/5/2021;

Căn cứ Thông báo số 229-TB/TU ngày 31/5/2021 của Tỉnh ủy thông báo ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống dịch COVID-19 về việc triển khai các biện pháp cấp bách, chống dịch bệnh COVID-19 trong tình hình mới tại cuộc họp ngày 31/5/2021;

Căn cứ Thông báo số 235-TB/TU ngày 08/6/2021 của Tỉnh ủy thông báo ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống dịch COVID-19 về việc triển khai các biện pháp cấp bách, chống dịch bệnh COVID-19 và phát triển mục tiêu kép;

Căn cứ Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 31/3/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19 đảm bảo an sinh xã hội và ổn định tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-HĐND ngày 08/02/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số giải pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19 đảm bảo an sinh xã hội và ổn định tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 4589/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021;

Theo đề nghị của Sở Y tế (tại Văn bản 3197/SYT-KHTC ngày 27/7/2021) và đề xuất của Sở Tài chính tại Tờ trình số 4662/TTr-STC ngày 12/8/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp 1.002,071 triệu đồng (Một tỷ, không trăm linh hai triệu, không trăm bảy mươi một nghìn đồng) bổ sung kinh phí cho Sở Y tế để chi chế độ đặc thù phòng, chống dịch COVID-19 (Tháng 6 năm 2021), như sau:

- Phụ cấp chống dịch: 606,250 triệu đồng;

- Phụ cấp thường trực 24/24 giờ (bao gồm cả phụ cấp cho người làm việc chốt kiểm soát liên ngành): 237,770 triệu đồng;

- Hỗ trợ tiền ăn cho người được huy động, phân công tham gia công tác phòng, chống dịch, phục vụ cách ly: 28 triệu đồng;

- Ban Chỉ đạo các cấp: 67,40 triệu đồng;

- Chi khác: 62,651 triệu đồng.

(chi tiết kèm theo Quyết định này)

Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn dự phòng ngân sách, dự toán ngân sách tỉnh năm 2021.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị:

- Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả thẩm định kinh phí thực hiện chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid-19 cho các đối tượng trình Ủy ban nhân dân tỉnh (Tờ trình số 4662/TTr-STC ngày 12/8/2021);

- Sở Y tế căn cứ Điều 3 Nghị quyết số 245/2020/NQ-HĐND ngày 31/3/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Hướng dẫn của Sở Tài chính và các quy định hiện hành để thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ (tiền ăn, vật dụng thiết yếu...) cho người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế và chế độ phụ cấp chống dịch, chế độ hỗ trợ cho người tham gia thường trực chống dịch và chịu trách nhiệm về quy trình, đối tượng, thủ tục thanh quyết toán theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Các Ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ninh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành. */m*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - TT TU (b/cáo);
 - CT các PCT UBND tỉnh;
 - V0-2, DL1, VX5, TH;
 - Lưu: VT, TM3.
- Sb. QĐ 08-33

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hạnh

G HOP DU TOAN K
 (Kèm theo Quyết định)
 Ủy Ban

(Kèm theo Quyết định số: 2864/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

[illegible]



Người ký: Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
Ngày ký: 08/10/2021 19:36:05
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh
Nội dung: Đã hoàn thành thanh toán

Mẫu số 16a1
Ký hiệu C2-02a/NS

Số: .DT60/ 211006_1017339_2811003

Năm NS: 2021

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Thực chi ☒

Tạm ứng ☐

Chuyển khoản ☒

Tiền mặt tại KB ☐

Tiền mặt tại NH ☐

Đơn vị rút dự toán: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Tài khoản: 9527.2.1017339

Tại KBNN: VP KBNN Quảng Ninh

Tên CTMT, DA:

Mã CTMT, DA:

Số CKC, HĐK:

Số CKC, HĐTH:

Nội dung thanh toán	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Rút dự toán chi tiền phụ cấp chống dịch tháng 05+06/2021	6114	423	132	12	131.700.000
Rút dự toán chi tiền phụ cấp thường trực tháng 05+06/2021	6114	423	132	12	74.880.000
Rút dự toán chi tiền hỗ trợ tiền ăn cho người được huy động, phân công tham gia phòng chống dịch phục vụ cách ly tháng 05+06/2021	7799	423	132	12	20.800.000
Tổng cộng					227.380.000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Hai trăm hai mươi bảy triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./.

Đơn vị nhận tiền: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Địa chỉ: P. Bạch Đằng - TP Hạ Long - QN

Tài khoản: 440280701009

Tại KBNN (NH): Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Quảng Ninh

Hoặc người nhận tiền:

Số CMND:

Cấp ngày:

Nơi cấp:

PHẦN KBNN GHI
Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Mã ĐBHC:

Ngày...tháng...năm ...

Người nhận tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 07 tháng 10 năm 2021

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người ký: Nguyễn Thị Vinh
Ngày ký: 08/10/2021 08:47:38
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Thị Vinh

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Người ký: Trịnh Văn Mạnh
Ngày ký: 07/10/2021 10:42:21
Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Trịnh Văn Mạnh

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 08 tháng 10 năm 2021

Thủ quỹ

Kế toán

Kế toán trưởng

Người ký: Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
Ngày ký: 07/10/2021 17:53:34
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Giám đốc

Người ký: Nguyễn Thị Tuyết Minh
Ngày ký: 08/10/2021 09:51:57
Chức danh: Phó giám đốc
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh

Nguyễn Thị Tuyết Minh

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2093 /QĐ-BVT

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chi tiền ăn cho nhân viên y tế được huy động phân công tham gia phòng chống dịch, phục vụ cách ly y tế tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh
Tháng 5 + Tháng 6 năm 2021

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính Phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 894/QĐ-SYT ngày 04/5/2019 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm của công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Y tế Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 230/QĐ-BVT ngày 18/02/2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly y tế;

Căn cứ Quyết định số 238/QĐ-BVT ngày 20/02/2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly y tế;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chi tiền ăn cho nhân viên y tế được huy động phân công tham gia phòng chống dịch và phục vụ cách ly y tế tại khoa Bệnh nhiệt đới của Bệnh viện tháng 5 + tháng 6 năm 2021 (danh sách chi tiết kèm theo).

Mức chi cụ thể: 80.000 đồng/người/ngày x 260 ngày.

Điều 2. Tổng số tiền chi: **20.800.000 đồng.**

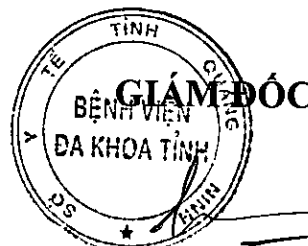
(Bằng chữ: Hai mươi triệu tám trăm tám nghìn đồng chẵn).

Nguồn chi được trích nguồn kinh phí phòng, chống dịch COVID-19.

Điều 3. Các Ông (bà) trong Ban Giám đốc, Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19, trưởng các phòng: TCCB, TCKT, và các ông bà có tên trong danh sách căn cứ quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TCCB. *Mvz*



Trịnh Văn Mạnh

Số: 2094/QĐ-BVT

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chi hỗ trợ phụ cấp thường trực 24/24 giờ trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19 đối với Cán bộ Y tế – người lao động tháng 05+06 năm 2021

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Văn phòng Chính Phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid - 19

Căn cứ Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế - dân số, văn hóa thể thao và du lịch, thông tin truyền thông, khoa học và công nghệ, các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khác;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 29/3/2020 của Chính Phủ quy định về một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID – 19;

Căn Cứ Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ Tướng Chính Phủ về quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch;

Căn cứ Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh Quy định mức chi phục vụ cách ly Y tế phục vụ phòng, chống dịch Covid – 19;

Căn cứ văn bản số 1427/STC-QLNS ngày 03/4/2020 của Sở tài chính tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn chế độ đặc thù và cá chi phí khác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19;

Xét Nghị quyết cuộc họp ngày 09/4/2020 của Ban chỉ đạo Phòng, chống dịch viêm phổi cấp do chủng mới của Virus Cororona của Bệnh viện đa khoa tỉnh.

Căn cứ Công văn số 704/SYT-NVY ngày 22/2/2021 của Sở Y tế về việc kiện toàn BCD, kế hoạch và phương án đảm bảo an toàn phòng chống dịch Covid – 19;

Căn cứ quyết định số 260/QĐ-BVT ngày 25/2/2021 của Bệnh viện về kiện toàn Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh Covid – 19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chi hỗ trợ phụ cấp trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19 đối với Cán bộ Y tế – người lao động tham gia thường trực phòng chống dịch bệnh trong tháng 5+6 năm 2021. Cụ thể như sau:

- Tháng 05+06: 74.880.000 đồng

Số người hưởng PC: 98 người

Số ngày : 524 ngày

Điều 2. Tổng số tiền chi: 74.880.000 đồng.

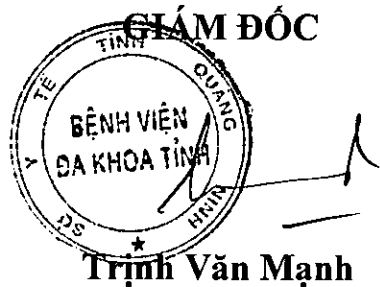
(Bằng chữ: Bảy mươi tư triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng chẵn)

Nguồn chi được trích từ nguồn thu dự toán chống dịch Covid – 19
năm 2021 (Ngân sách nhà nước)

Điều 3. Các Ông (bà) trưởng các phòng: TCCB, TCKT, KHTH, Ban Chỉ đạo phòng chống dịch và các ông bà có tên trong danh sách căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TCCB. *Hoc*



Số: 2095 /QĐ-BVT

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chi hỗ trợ phụ cấp trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19
đối với Cán bộ Y tế- người lao động trong
tháng 5 + tháng 6 năm 2021**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Văn phòng Chính Phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid – 19

Căn cứ Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế - dân số, văn hóa thể thao và du lịch, thông tin truyền thông, khoa học và công nghệ, các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khác;

Căn cứ Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ Tướng Chính Phủ về quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch;

Căn cứ Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh Quy định mức chi phục vụ cách ly Y tế phục vụ phòng, chống dịch Covid – 19;

Căn cứ văn bản số 1427/STC-QLNS ngày 03/4/2020 của Sở tài chính tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn chế độ đặc thù và cá chi phí khác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19;

Xét Nghị quyết cuộc họp ngày 09/04/2020 của Ban chỉ đạo Phòng, chống dịch viêm phổi cấp do chủng mới của Virus Cororona của Bệnh viện đa khoa tỉnh;

Căn cứ Công văn số 704/SYT-NVY ngày 22/2/2021 của Sở Y tế về việc kiện toàn BCD, kế hoạch và phương án đảm bảo an toàn phòng chống dịch Covid – 19;

Căn cứ quyết định số 260/QĐ-BVT ngày 25/2/2021 của Bệnh viện về kiện toàn Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh Covid – 19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chi hỗ trợ phụ cấp trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19 đối với Cán bộ Y tế – người lao động trong tháng 5 + tháng 6 năm 2021. Cụ thể như sau:

- Tháng 5+6: 131.700.000 đồng.

Số người hưởng PC: 62 người

Số ngày : 480 ngày

Điều 2. Tổng số tiền chi: 131.700.000 đồng.

(Bằng chữ: Một trăm ba mươi một triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn)

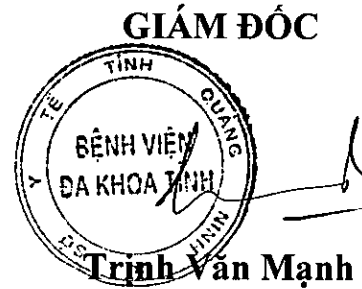
Nguồn chi được trích từ nguồn thu dự toán chống dịch Covid – 19
năm 2021 (Ngân sách nhà nước)

**Điều 3. Các Ông (bà) trưởng các phòng: TCCB, TCKT, KHTH, Ban Chi đạo
phòng chống dịch và các ông bà có tên trong danh sách căn cứ quyết định thi hành./.**

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);

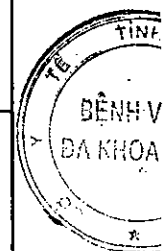
- Lưu: VT, TCCB. *Mus*



BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CƠ CHẾ ĐẶC THÙ THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP

Tháng 6

STT	Nội dung hỗ trợ	Số lượng đối tượng	Tổng số tiền	Ghi chú
A	B	1	2	3
1	Tiền ăn của người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế			
2	Chi phí phục vụ nhu cầu sinh hoạt trong những ngày cách ly y tế			
3	Chi phí khám, chữa bệnh khác trong thời gian cách ly y tế tập trung (không tính phần thanh toán từ quỹ BHYT)			
4	Chế độ phụ cấp chống dịch cho cán bộ y tế, người lao động tham gia phòng, chống dịch	36	59.800.000	Chi tiết theo Phụ lục 1.4
4.1	Người đi giám sát, điều tra, xác minh dịch, người trực tiếp khám, chuẩn đoán điều trị người mắc bệnh dịch tại cơ sở khám bệnh chữa bệnh	23	54.600.000	
4.2	Người vận chuyển người bệnh, bệnh phẩm, bảo quản tử thi người bệnh, người giặt đồ vải, quần áo bác sĩ bệnh nhân, thu gom vỏ chai, lọ, hộp hóa chất; bảo vệ khu điều trị cách ly, vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh trong khu cách ly tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cán bộ y tế thực hiện giám sát dịch tễ, theo dõi y tế tại cơ sở cách ly y tế	13	5.200.000	
4.3	Người thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở cách ly tập trung (không phải chuyên môn y tế, không áp dụng đối với hình thức cách ly tại nhà, nơi cư trú, khách sạn...); người tham gia cưỡng chế cách ly y tế, người phiên dịch, đội cấp cứu 115, kíp vận chuyển người cách ly			
5	Người tham gia thường trực chống dịch 24/24h	200	45.590.000	Chi tiết theo phụ lục 1.5
5.1	Mức phụ cấp thường trực chống dịch 24/24h	192	36.790.000	
5.2	Hỗ trợ tiền ăn	8	8.800.000	



6	Hỗ trợ tiền ăn cho cán bộ y tế, quân đội, công an thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở cách ly y tế tập trung (không áp dụng đối với hình thức cách ly tại nhà, nơi cư trú, khách sạn, resort, doanh nghiệp); người tham gia thực hiện nhiệm vụ phân luồng, làm thủ tục cho người nhập cảnh; người bảo vệ khu vực cách ly tại các địa bàn dân cư theo chỉ định của cơ quan QLNN; cán bộ y tế thường trực 24/24h tại các cơ sở điều trị cách ly y tế để chăm sóc, điều trị người mắc, nghi mắc Covid19			
7	Chế độ bồi dưỡng đối với cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia chống dịch trong thời gian có dịch Covid19			
7.1	<i>Cộng tác viên, tình nguyện viên trực tiếp hoặc phối hợp tham gia các hoạt động phòng chống dịch</i>			
7.2	<i>Cộng tác viên, tình nguyện viên trực tiếp tuyên truyền, vận động nhân dân, phát tờ rơi hoặc tham gia diễn tập</i>			
			105.390.000	



Đơn vị: BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP

Tháng 6/2021

ĐVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị	Mức hỗ trợ		Từ ngày (mm/dd/y)	Đến ngày (mm/dd/y)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
				Phụ cấp thường trực (130.000đ/ngày)	Tiền ăn (80.000đ /phiên trực)						
1	2			3	4	5	6	7=6-5	8=(3+4)*7	9	10
	Tổng cộng (I+II)									45.590.000	
I	Mức phụ cấp thường trực chống dịch 24/24h									Gửi kèm tài liệu	
	PHÒNG KHÁM SÀNG LỌC								-		
1	Phan Văn Thiên	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	HHNN	130.000		01/6/2021	30/6/2021	1	130.000		Trực ngày 1,22/6
2	Trần Mạnh Vũ		HHNN	130.000		01/6/2021	30/6/2021	2	260.000		Trực ngày 3,7,22
3	Nguyễn Thị Út		HHNN	130.000		01/6/2021	30/6/2021	10	1.300.000		Trực ngày 1,2,4,8,9,10,11,14,15,16,17,18,21,23,24,25,28,29,30/6
4	Hỷ Thị Lan		TM	130.000		01/6/2021	30/6/2021	2	260.000		Trực ngày 21,24,28/6
5	Bùi Thị Thanh Hương		TM	130.000		01/6/2021	30/6/2021	1	130.000		Trực ngày 8/6
6	Ngô Văn Kiên		HHNN	130.000		01/6/2021	30/6/2021	3	390.000		Trực ngày 5,9,13,17/6
7	Trần Nhật Toán		TM	130.000		01/6/2021	30/6/2021	1	130.000		Trực ngày 14,29/6
8	Vũ Phương Tiến		NTH	130.000		01/6/2021	30/6/2021	4	520.000		Trực ngày 11,15,19,23,27/6
9	Nguyễn Trung Kiên		Nội TM	130.000		01/6/2021	30/6/2021	5	650.000		Trực ngày 1,3,7,12,16,20,25/6
10	Lê Thị Thơ		Lão học	130.000		01/6/2021	30/6/2021	2	260.000		Trực ngày 2,6/6
11	Nguyễn Thanh Tùng		NTH	130.000		01/6/2021	30/6/2021	3	390.000		Trực ngày 4,10,18,26,30/6
12	Bùi Diệu Linh		CS2	130.000		01/6/2021	30/6/2021	2	260.000		Trực ngày 24,27/6
13	Nguyễn Diệp Linh		Sản	130.000		01/6/2021	30/6/2021	1	130.000		Trực ngày 25/6
14	Trương Thị Chiêu Xuân		HHNN	130.000		01/6/2021	30/6/2021	6	780.000		Trực ngày 1,7,13,17,23,29/6
15	Hoàng Thị Phương Thảo		T. mạch	130.000		01/6/2021	30/6/2021	1	130.000		Trực ngày 28/6
16	Vũ Thị Hương		KKB	130.000		01/6/2021	30/6/2021	4	520.000		Trực ngày 4,12,19,26/6
17	Hoàng Hà My		KKB	130.000		01/6/2021	30/6/2021	4	520.000		Trực ngày 4,12,19,26/6
18	Trần Thị Bảy		C. thương	130.000		01/6/2021	30/6/2021	1	130.000		Trực ngày 26/6
19	Trần Phương Thủy		PK CS2	130.000		01/6/2021	30/6/2021	6	780.000		Trực ngày 6,10,16,21,23,28/6
20	Đào Thúy Vân		GMHS	130.000		01/6/2021	30/6/2021	6	780.000		Trực ngày 2,8,14,20,24,30/6
21	Nguyễn Thị Thu Trang		YHCT	130.000		01/6/2021	30/6/2021	5	650.000		Trực ngày 6,10,16,22,28/6

22	Phạm Thị Minh Hiền		OPEN	130.000		01/6/2021	30/6/2021	6	780.000		Trực ngày 5,21,27,30/6
23	Vũ Thị Hồng Yến		HSCC	130.000		01/6/2021	30/6/2021	4	520.000		Trực ngày 3,9,15,20/6
24	Đỗ Thị Hạnh		RHM	130.000		01/6/2021	30/6/2021	4	520.000		Trực ngày 5,11,19,25/6
25	Trịnh Lan		Nội TH	130.000		01/6/2021	30/6/2021	4	520.000		Trực ngày 2,8,14,29/6
26	Kiều Văn Anh		Tin mạch	130.000		01/6/2021	30/6/2021	6	780.000		Trực ngày 1,7,13,17,22,29/6
27	Vũ Thị Hải Yến		Mắt	130.000		01/6/2021	30/6/2021	14	1.820.000		Trực ngày 1-30/6
	KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH								-		
28	Đinh Văn Huy	KTV CDHA	CDHA	130.000		01/6/2021	30/6/2021	6	780.000		Trực ngày 2,3,5,16,17,19
29	Bùi Văn Trai	KTV CDHA	CDHA	130.000		01/6/2021	30/6/2021	10	1.300.000		Trực7,8,11,21,23,26đến 30
	TRỰC LÃNH ĐẠO BAN CHỐNG DỊCH COVID										
30	Trịnh Văn Mạnh		Giám đốc	130.000		01/6/2021	30/6/2021	12	1.560.000		Trực ngày 1,4,6,9,11,13,16,18,21,24,26,30/6
31	Đặng Thị Thúy		PGĐ	130.000		01/6/2021	30/6/2021	12	1.560.000		Trực ngày 1,3,7,10,12,15,17,20,22,26,27,29/6
32	Nguyễn Huy Tiến		PGĐ	130.000		01/6/2021	30/6/2021	11	1.430.000		Trực ngày2,5,8,11,14,16,19,21,23,26,28/6
33	Vũ Anh Tuấn		PGĐ	130.000		01/6/2021	30/6/2021	11	1.430.000		Trực ngày 2,4,6,9,12,14,18,22,24,27,29/6
34	Bùi Thị Nguyệt Ánh		TPKHTH	130.000		01/6/2021	30/6/2021	12	1.560.000		Trực ngày 3,5,7,10,13,15,17,20,23,25,28,30/6
	TRỰC GIÁM SÁT THÔNG TIN, ĐIỀU TRA DỊCH TỄ BÁO CÁO TÌNH HÌNH COVID VÀ HẬU CẢN										
35	Phạm Quang Huy	Trực thông tin, điều tra dịch tễ, và báo cáo, cập nhật tình hình COVID	KHTH	130.000		01/6/2021	30/6/2021	9	1.170.000		Trực ngày 8,12,16,18,21,25,26,28,30)
36	Nguyễn Thị Hoàng Yến		KHTH	130.000		01/6/2021	30/6/2021	8	1.040.000		Trực ngày 1,4,7,11,17,20,23,29
37	Nguyễn Thị Hải Yến		KHTH	130.000		01/6/2021	30/6/2021	8	1.040.000		Trực ngày 2,5,8,9,14,20,24,26,28,30
38	Phạm Thị Phương Thùy		KHTH	130.000		01/6/2021	30/6/2021	8	1.040.000		Trực ngày 3,6,13,14,19,22,28
39	Đặng Thị Ánh Tuyết		KHTH	130.000		01/6/2021	30/6/2021	9	1.170.000		Trực ngày 3,6,9,10,15,17,21,23,27
40	Nguyễn Thị Anh Trang		KHTH	130.000		01/6/2021	30/6/2021	9	1.170.000		Trực ngày 1,3,7,11,12,18,24,29,30
41	Nguyễn Thị Thu Phương		KHTH	130.000		01/6/2021	30/6/2021	9	1.170.000		Trực ngày 2,5,10,13,15,16,19,22,28
42	Lê Hoài Thanh	Bảo vệ Trực phân luồng, sàng lọc	HCQT	130.000		01/6/2021	30/6/2021	15	1.950.000		Trực ngày 1,5,6,7,11,12,13,17,18,19,23,24,25,29,30/6
43	Nguyễn Thiên Mừng		HCQT	130.000		01/6/2021	30/6/2021	15	1.950.000		Trực ngày 2,3,4,8,9,10,14,15,16,21,20,22,26,27,28/6
44	Bùi Đức Toàn	Trực Lái xe vận chuyển người bệnh	HCQT	130.000		01/6/2021	30/6/2021	4	520.000		Trực ngày 15,19,28,29
45	Chu Minh Tuấn		HCQT	130.000		01/6/2021	30/6/2021	7	910.000		Trực ngày 1,2,8,11,16,22,26
								283	36.790.000		
II	Hỗ trợ tiền ăn (Mục 5 điều 2 NQ 16)										
1	Đinh Thị Hải Hà	khám, chuẩn đoán, điều trị	BNĐ		80.000	01/6/2021	30/6/2021	16	1.280.000		Từ 01-16/6
2	Đoàn Hoa Anh		BNĐ		80.000	01/6/2021	30/6/2021	6	480.000		Từ 25-30/6
3	Trần Thị Lý		BNĐ		80.000	01/6/2021	30/6/2021	8	640.000		Từ 17-24/6
4	Đặng Thị Lan Anh		BNĐ		80.000	01/6/2021	30/6/2021	7	560.000		Từ 10-16/6

5	Nguyễn Thị Phương Thảo	người nghỉ mắc covid tại khu vực cách lý bệnh viện	BNĐ	80.000	01/6/2021	30/6/2021	8	640.000		17-24/6
6	Nguyễn Lê Hường		BNĐ	80.000	01/6/2021	30/6/2021	9	720.000		Từ 01-09/6
7	Phan Thị Thu Thủy		BNĐ	80.000	01/6/2021	30/6/2021	7	560.000		Từ 10-16/6
8	Đặng Thị Nguyệt		BNĐ	80.000	01/6/2021	30/6/2021	6	480.000		Từ 25-30/6
9	Nguyễn Thị Hương		BNĐ	80.000	01/6/2021	30/6/2021	4	320.000		Từ 27-30/6
10	Lê Hải Yến		BNĐ	80.000	01/6/2021	30/6/2021	9	720.000		Từ 01-09/6
11	Phạm Thị Bông		BNĐ	80.000	01/6/2021	30/6/2021	30	2.400.000		Từ 01-30/6
	Cộng II						110	8.800.000		

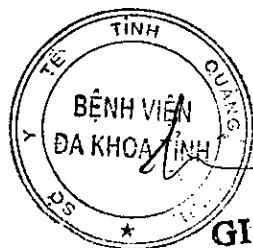
DUYỆT LÃNH ĐẠO

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

NGƯỜI LẬP BIỂU



GIÁM ĐỐC

Trịnh Văn Mạnh

Nguyễn Thị Vũ

Nguyễn Thị Vũ

Phạm Thị Nguyệt Ánh

Đặng Thị Nguyệt Ánh



DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP
Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho cán bộ y tế, người lao động tham gia phòng, chống dịch

Tháng 06/2021

DVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm	Ghi chú
1	2			3	4	5	6=5-4	7=3*6	8	9
	Tổng cộng (I+II+III)							59.800.000		
I	Người đi giám sát, điều tra, xác minh dịch, người trực tiếp khám, chuẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHI MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh; Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu, phân tách mẫu, người trực tiếp làm xét nghiệm SARS-CoV-2 tại cơ sở y tế; Người làm công việc vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh tại khu điều trị người mắc COVID-19								Gửi kèm các QĐ điều động, bảng phân công nhiệm vụ.	Đối tượng xét nghiệm cần Phân công nhiệm vụ XN mẫu Sarr cov 2; chấm công các ngày XN mẫu Sarr cov 2 (không tính mẫu XN dịch vụ)
1	Lê Thùy Mai	Vsinh	gộp mẫu, phân tách mẫu, trực tiếp làm xét nghiệm SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/06/2021	30/06/2021	12	3.600.000		5.7.8.11.13.16.23.26.26.27.28.30/6
2	Trần Văn Tùng	Vsinh		300.000	'01/06/2021	30/06/2021	11	3.300.000		4.8.14.15.19.20.321.25.26.29.30/6
3	Vũ Thùy Trang	Vsinh		300.000	'01/06/2021	30/06/2021	8	2.400.000		6.9.13.17.18.25.26.28/6
4	Vũ Thị Mận	Vsinh		300.000	'01/06/2021	30/06/2021	7	2.100.000		11.15.20.22.24.28.29/6
5	Vũ Thùy Dung	Vsinh		300.000	'01/06/2021	30/06/2021	7	2.100.000		2.9.136.17.18.22.27/6
6	Nguyễn Thị Thương	Vsinh		300.000	'01/06/2021	30/06/2021	8	2.400.000		1.10.16.19.253.24.26.28/6
7	Đỗ Thị Nhung	Vsinh		300.000	'01/06/2021	30/06/2021	2	600.000		25.26/6
8	Đào Thị Thùy	Vsinh		300.000	'01/06/2021	30/06/2021	9	2.700.000		3.7.12.14.21.25.28.29.30/6
9	Hoàng Thị Thu Trang	Vsinh		300.000	'01/06/2021	30/06/2021	2	600.000		26.27/6
10	Vũ Thị Hồng Yến	Vsinh		300.000	'01/06/2021	30/06/2021	2	600.000		26.27/6
11	Vũ Nguyệt Hòa	Vsinh		300.000	'01/06/2021	30/06/2021	2	600.000		26.27/6
12	Đào Thị Thu Hoài	Vsinh		300.000	'01/06/2021	30/06/2021	2	600.000		26.27/6
13	Đinh Thị Hải Hà	BNĐ	khám, chuẩn đoán, điều	300.000	'01/06/2021	30/06/2021	16	4.800.000		Từ 01-16/6
14	Đoàn Hoa Anh	BNĐ		300.000	'01/06/2021	30/06/2021	6	1.800.000		Từ 25-30/6
15	Trần Thị Lý	BNĐ		300.000	'01/06/2021	30/06/2021	8	2.400.000		Từ 17-24/6
16	Đặng Thị Lan Anh	BNĐ		300.000	'01/06/2021	30/06/2021	7	2.100.000		Từ 10-16/6



17	Nguyễn Thị Phương Thảo	BND	trị người nghỉ mắc covid tại khu vực cách ly bệnh viện	300.000	'01/06/2021	30/06/2021	8	2.400.000		Từ 17-24/6
18	Nguyễn Lệ Hương	BND		300.000	'01/06/2021	30/06/2021	9	2.700.000		Từ 01-09/6
19	Phan Thị Thu Thủy	BND		300.000	'01/06/2021	30/06/2021	7	2.100.000		Từ 10-16/6
20	Đặng Thị Nguyệt	BND		300.000	'01/06/2021	30/06/2021	6	1.800.000		Từ 25-30/6
21	Nguyễn Thị Hương	BND		300.000	'01/06/2021	30/06/2021	4	1.200.000		Từ 27-30/6
22	Lê Hải Yến	BND		300.000	'01/06/2021	30/06/2021	9	2.700.000		Từ 01-09/6
23	Phạm Thị Bông	BND		300.000	'01/06/2021	30/06/2021	30	9.000.000		Từ 01-30/6
Cộng I							182	54.600.000		
II Người vận chuyển người bệnh, bệnh phẩm, bảo quản tử thi người bệnh, người giặt đồ vải, quần áo bác sĩ bệnh nhân, thu gom vỏ chai, lọ, hộp hóa chất; bảo vệ khu điều trị cách ly, vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh trong khu cách ly tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Người làm nhiệm vụ giám sát dịch tễ, theo dõi y tế tại cơ sở cách ly y tế tại nhà và cơ sở cách ly y tế theo chỉ định của cơ quan quản lý nhà nước; Người làm công việc súc rửa dụng cụ, pha chế môi trường tại cơ sở y tế để phục vụ cho phòng xét nghiệm SARS-CoV-2										
1	Nguyễn Thị Hải Thanh	TK KSNK	Giám sát KSNK	200.000	'01/06/2021	30/06/2021	4	800.000		8.15.22.29/6
2	Phạm Thị Lan Hương	K KSNK	Rửa dụng cụ, giặt đồ vải, quần áo BS, bệnh nhân, thu gom chai, lọ, hóa chất	200.000	'01/06/2021	30/06/2021	2	400.000		8.27.28.30/6
3	Nguyễn Thị Tuyết Hương	K KSNK		200.000	'01/06/2021	30/06/2021	5	1.000.000		1/2 (1.2.9.11.15.16.19.22.25.26/6)
4	Nguyễn Đăng Lâm	K KSNK		200.000	'01/06/2021	30/06/2021	3	600.000		1/2 (1.8.11.26).29/6
5	Vũ Thị Nhài	K KSNK		200.000	'01/06/2021	30/06/2021	5	1.000.000		1/2(2.9.15.16.19.22.25.27.28.30/6)
6	Trần Xuân Hải	K KSNK		200.000	'01/06/2021	30/06/2021	3	600.000		1/2(2.8.16.26.28.30/6)
7	Nguyễn Ngọc Linh	K KSNK		200.000	'01/06/2021	30/06/2021	4	800.000		1/2(1.9.11.15.19.22.25.27/6)
							26	5.200.000		

DUYỆT LÃNH ĐẠO

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

NGƯỜI LẬP BIỂU



GIÁM ĐỐC

Trình Văn Mạnh

Nguyễn Thị Vũ

Hoàng Quỳnh Hoa

Phu Thị Nguyệt Ánh

Ngô Thủy Quỳnh

BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CƠ CHẾ ĐẶC THÙ THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP

Tháng 5

STT	Nội dung hỗ trợ	Số lượng đối tượng	Tổng số tiền	Ghi chú
A	B	1	2	3
1	Tiền ăn của người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế			Chi tiết theo Phụ lục 1.1
2	Chi phí phục vụ nhu cầu sinh hoạt trong những ngày cách ly y tế		-	Chi tiết theo Phụ lục 1.2
3	Chi phí khám, chữa bệnh khác trong thời gian cách ly y tế tập trung (không tính phần thanh toán từ quỹ BHYT)	0	-	Chi tiết theo Phụ lục 1.3
4	Chế độ phụ cấp chống dịch cho cán bộ y tế, người lao động tham gia phòng, chống dịch	31	71.900.000	Chi tiết theo Phụ lục 1.4
4.1	Người đi giám sát, điều tra, xác minh dịch, người trực tiếp khám, chuẩn đoán điều trị người mắc bệnh dịch tại cơ sở khám bệnh chữa bệnh	19	52.500.000	
4.2	Người vận chuyển người bệnh, bệnh phẩm, bảo quản tử thi người bệnh, người giặt đồ vải, quần áo bác sĩ bệnh nhân, thu gom vỏ chai, lọ, hộp hóa chất; bảo vệ khu điều trị cách ly, vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh trong khu cách ly tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cán bộ y tế thực hiện giám sát dịch tễ, theo dõi y tế tại cơ sở cách ly y tế	12	19.400.000	
4.3	Người thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở cách ly tập trung (không phải chuyên môn y tế, không áp dụng đối với hình thức cách ly tại nhà, nơi cư trú, khách sạn...); người tham gia cưỡng chế cách ly y tế, người phiên dịch, đội cấp cứu 115, kíp vận chuyển người cách ly			
5	Người tham gia thường trực chống dịch 24/24h	61	43.330.000	Chi tiết theo phụ lục 1.5
5.1	Mức phụ cấp thường trực chống dịch 24/24h	53	31.330.000	
5.2	Hỗ trợ tiền ăn	8	12.000.000	
6	Hỗ trợ tiền ăn cho cán bộ y tế, quân đội, công an thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở cách ly y tế tập trung (không áp dụng đối với hình thức cách ly tại nhà, nơi cư trú, khách sạn, resort, doanh nghiệp); người tham gia thực hiện nhiệm vụ phân luồng, làm thủ tục cho người nhập cảnh; người bảo vệ khu vực cách ly tại các địa bàn dân cư theo chỉ định của cơ quan QLNN; cán bộ y tế thường trực 24/24h tại các cơ sở điều trị cách ly y tế để chăm sóc, điều trị người mắc, nghi mắc Covid19			Chi tiết theo phụ lục 1.6
			115.230.000	

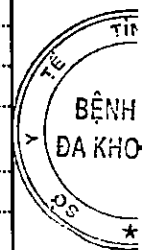
Đơn vị: BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP

Tháng 5/2021

ĐVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị	Mức hỗ trợ		Từ ngày (mm/dd/yy)	Đến ngày (mm/dd/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ	Ghi chú
				Phụ cấp thường trực (130.000 đ/ngày)	Tiền ăn (80.000 đ /phiên trực)						
1	2			3	4	5	6	7=6-5	8=(3+4)*7	9	10
	Tổng cộng (I+II)							391	43.330.000		
I	Mức phụ cấp thường trực chống dịch 24/24h									Gửi kèm tài liệu	
	PHÒNG KHÁM SÀNG LỌC										
1	Trần Mạnh Vũ	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	HHNN	130.000		01/5/2021	31/5/2021	4	520.000		Trực ngày 4,5,6,10,11,13,14/5
2	Trần Nhật Toán		HHNN	130.000		01/5/2021	31/5/2021	5	650.000		Trực ngày 17,18,19,21,24,26,27,28,31/5
3	Nguyễn Thị Út		HHNN	130.000		01/5/2021	31/5/2021	1	130.000		Trực ngày 21/5
4	Ngô Văn Kiên		TM	130.000		01/5/2021	31/5/2021	1	130.000		Trực ngày 31/5
5	Vũ Phương Tiến		TM	130.000		01/5/2021	31/5/2021	2	260.000		Trực ngày 2,5,8,9/5
6	Đinh Tuấn Anh		HHNN	130.000		01/5/2021	31/5/2021	2	260.000		Trực ngày 25,28,29/5
7	Nguyễn Thị Hằng		TM	130.000		01/5/2021	31/5/2021	3	390.000		Trực ngày 11,14,17,23,26/5
8	Nguyễn Trung Kiên		NTH	130.000		01/5/2021	31/5/2021	5	650.000		Trực ngày 1,4,7,10,13,16,19,24,28/5
9	Lê Thị Thơ		Nội TM	130.000		01/5/2021	31/5/2021	2	260.000		Trực ngày 18,23,27/5
10	Nguyễn Thanh Tùng		Lão học	130.000		01/5/2021	31/5/2021	2	260.000		Trực ngày 20,30/5
11	Đỗ Thị Ngân		NTH	130.000		01/5/2021	31/5/2021	3	390.000		Trực ngày 6,9,12,15/5
12	Hoàng Ngọc Hưng		CS2	130.000		01/5/2021	31/5/2021	1	130.000		Trực ngày 3/5
13	Phạm Cẩm Vân		Sản	130.000		01/5/2021	31/5/2021	1	130.000		Trực ngày 10/5
14	Trương Thị Chiêu Xuân		HHNN	130.000		01/5/2021	31/5/2021	2	260.000		Trực ngày 20,26/5
15	Phạm Thị Hà		T. mạch	130.000		01/5/2021	31/5/2021	1	130.000		Trực ngày 23/5
16	Vũ Thị Hương		KKB	130.000		01/5/2021	31/5/2021	2	260.000		Trực ngày 21,29/5
17	Hoàng Hà My		KKB	130.000		01/5/2021	31/5/2021	4	520.000		Trực ngày 1,7,15,21,29/5
18	Trần Phương Thuý		C. thương	130.000		01/5/2021	31/5/2021	3	390.000		Trực ngày 19,25,31/5
19	Lê Văn Tuyển		PK CS2	130.000		01/5/2021	31/5/2021	3	390.000		Trực ngày 19,25,31/5
20	Đinh Ngọc Sơn		GMHS	130.000		01/5/2021	31/5/2021	2	260.000		Trực ngày 9,17/5



21	Bùi Như Quỳnh	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	YHCT	130.000	01/5/2021	31/5/2021	1	130.000	Trực ngày 14/5
22	Nguyễn Diệp Linh		PHCN	130.000	01/5/2021	31/5/2021	1	130.000	Trực ngày 15/5
23	Phạm Thị Minh Hiền		HSCC	130.000	01/5/2021	31/5/2021	3	390.000	Trực ngày 18,24,30/5
24	Vũ Thị Hồng Yến		RHM	130.000	01/5/2021	31/5/2021	4	520.000	Trực ngày 11,18,24,30/5
25	Phạm Thu Hà		Nội TH	130.000	01/5/2021	31/5/2021	1	130.000	Trực ngày 13/5
26	Bùi Thị Hương		Tim mạch	130.000	01/5/2021	31/5/2021	1	130.000	Trực ngày 12/5
27	Lê Đức Tuấn		Mắt	130.000	01/5/2021	31/5/2021	3	390.000	Trực ngày 2,10,16/5
28	Vũ Tuyết Minh		TMH	130.000	01/5/2021	31/5/2021	1	130.000	Trực ngày 4,13/5
29	Phạm Ngọc Bích		PK CS2	130.000	01/5/2021	31/5/2021	3	390.000	Trực ngày 6,12,20,27/5
30	Nguyễn Thị Hường		KKB	130.000	01/5/2021	31/5/2021	1	130.000	Trực ngày 22,28/5
31	Vũ Thị Hương Ngân		Nhi	130.000	01/5/2021	31/5/2021	4	520.000	Trực ngày 5,16,23,27/5
32	Kiều Vân Anh		Lão học	130.000	01/5/2021	31/5/2021	3	390.000	Trực ngày 3,11,17,26/5
33	Vũ Thị Hải Yến		KKB	130.000	01/5/2021	31/5/2021	13	1.690.000	Trực ngày 4-31/5
KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH								0	
34	Vũ Việt Anh	KTV CĐHA	CĐHA	130.000	01/5/2021	31/5/2021	4	520.000	Trực ngày 4,7,8,9/5
35	Đoàn Văn Vịnh	KTV CĐHA	CĐHA	130.000	01/5/2021	31/5/2021	7	910.000	Trực ngày 10/5 đến 16/5/2021
36	Bùi Văn Trai	KTV CĐHA	CĐHA	130.000	01/5/2021	31/5/2021	9	1.170.000	Trực 18,19,24 đến 30/5/2021
37	Hoàng Hữu Tuấn	KTV CĐHA	CĐHA	130.000	01/5/2021	31/5/2021	2	260.000	Trực ngày 1,2/5/21
38	Nguyễn Văn Mạnh	KTV CĐHA	CĐHA	130.000	01/5/2021	31/5/2021	1	130.000	Trực ngày 31/5/21
TRỰC LÃNH ĐẠO BAN CHỐNG DỊCH COVID								0	
39	Trịnh Văn Mạnh		Giám đốc	130.000	01/5/2021	31/5/2021	6	780.000	Trực ngày 1,9,14,20,24,28/5
40	Đặng Thị Thúy		PGĐ	130.000	01/5/2021	31/5/2021	7	910.000	Trực ngày 4,8,12,16,19,23,29/5
41	Vũ Anh Tuấn		PGĐ	130.000	01/5/2021	31/5/2021	8	1.040.000	Trực ngày 2,6,10,13,17,21,26,30/5
42	Nguyễn Huy Tiến		PGĐ	130.000	01/5/2021	31/5/2021	6	780.000	Trực ngày 5,11,15,18,22,27/5
43	Bùi Thị Nguyệt Ánh		TPKHTH	130.000	01/5/2021	31/5/2021	4	520.000	Trực ngày 3,7,25,31/5
TRỰC GIÁM SÁT THÔNG TIN, ĐIỀU TRA DỊCH TỄ BÁO CÁO TÌNH HÌNH COVID VÀ HẬU CẦN								0	
44	Nguyễn Thị Hoàng Yến	Trực thông tin, điều tra dịch tễ, và báo cáo, cập nhật tình hình COVID	KHTH	130.000	01/5/2021	31/5/2021	8	1.040.000	Trực ngày 1,7,11,12,17,20,26,29
45	Nguyễn Thị Hải Yến		KHTH	130.000	01/5/2021	31/5/2021	9	1.170.000	Trực ngày 2,5,9,14,15,18,21,24,27/5
46	Phạm Thị Phương Thủy		KHTH	130.000	01/5/2021	31/5/2021	9	1.170.000	Trực ngày 8,10,13,16,19,22,25,28,31/5
47	Đặng Thị Ánh Tuyết		KHTH	130.000	01/5/2021	31/5/2021	10	1.300.000	Trực ngày 4,6,10,13,16,19,22,25,28,31/5
48	Nguyễn Thị Anh Trang		KHTH	130.000	01/5/2021	31/5/2021	10	1.300.000	Trực ngày 2,5,8,11,14,17,20,23,26,29/5
49	Nguyễn Thị Thu Phương		KHTH	130.000	01/5/2021	31/5/2021	11	1.430.000	Trực ngày 1,3,7,9,12,15,18,21,24,27,30

50	Lê Hoài Thành	Trực phân luồng, sàng lọc	HCQT	130.000	01/5/2021	31/5/2021	16	2.080.000	Trực ngày 1,2,6,7,8,12,13,14,18,19,20,24,25,26,30,31/5
51	Lục Văn Tiến		HCQT	130.000	01/5/2021	31/5/2021	15	1.950.000	Trực ngày 3,4,5,9,10,11,15,16,17,21,22,23,27,28,29/5
52	Bùi Đức Toàn	Trực Lái xe vận chuyển người bệnh	HCQT	130.000	01/5/2021	31/5/2021	5	650.000	Trực ngày 5,10,11,26,29/5
53	Chu Minh Tuấn		HCQT	130.000	01/5/2021	31/5/2021	6	780.000	Trực ngày 7,12,13,14,27,28/5
	Cộng I						241	31.330.000	
II	Hỗ trợ tiền ăn (Mục 5 điều 2 NQ 16)								
1	Phạm Văn Ngà		BND	80.000	01/5/2021	31/5/2021	26	2.080.000	Từ 4-26/5
2	Đinh Thị Hải Hà		BND	80.000	01/5/2021	31/5/2021	5	400.000	Từ 27-31/5
3	Đào Thị Thu Hương		BND	80.000	01/5/2021	31/5/2021	26	2.080.000	Từ 4-26/5
4	Nguyễn Lê Hường	khám, chuẩn đoán, điều trị người nghi mắc covid tại khu vực cách ly bệnh viện	BND	80.000	01/5/2021	31/5/2021	5	400.000	Từ 27-31/5
5	Lê Hải Yến		BND	80.000	01/5/2021	31/5/2021	5	400.000	Từ 27-31/5
6	Trần Thị Hoài		BND	80.000	01/5/2021	31/5/2021	26	2.080.000	Từ 4-26/5
7	Trần Thị Thu Ngân		BND	80.000	01/5/2021	31/5/2021	26	2.080.000	Từ 4-26/5
8	Phạm Thị Bông		BND	80.000	01/5/2021	31/5/2021	31	2.480.000	Từ 4-31/5
	Cộng II						150	12.000.000	

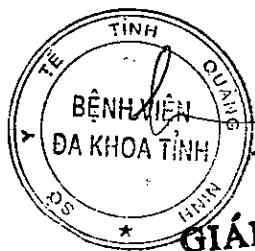
DUYỆT LÃNH ĐẠO

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

NGƯỜI LẬP BIỂU



GIÁM ĐỐC

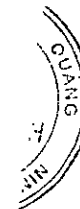
Trịnh Văn Mạnh

Nguyễn Thị Vũ

Hoàng Anh Hoa

Bùi Thị Nguyệt Ánh

Đặng Thị Ánh Nguyệt



DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP

Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho cán bộ y tế, người lao động tham gia phòng, chống dịch

Tháng 5/2021

ĐVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	QĐ điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
1	2			3	4	5	6=5-4	7=3*6	8	9
	Tổng cộng (I+II+III)						272	71.900.000		
I	Người đi giám sát, điều tra, xác minh dịch, người trực tiếp khám, chuẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHI MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh; Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu, phân tách mẫu, người trực tiếp làm xét nghiệm SARS-CoV-2 tại cơ sở y tế; Người làm công việc vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh tại khu điều trị người mắc COVID-19								Gửi kèm các QĐ điều động, bảng phân công nhiệm vụ.	Đối tượng xét nghiệm cần Phân công nhiệm vụ XN mẫu Sarr cov 2; chấm công các ngày XN mẫu Sarr cov 2 (không tính mẫu XN dịch vụ)
1	Lê Thùy Mai	Vsinh	gộp mẫu, phân tách mẫu, trực tiếp làm xét nghiệm SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/05/2021	31/05/2021	10	3.000.000		1,2,10,11,12,15,19,20,21,22/05
2	Trần Văn Tùng	Vsinh		300.000	'01/05/2021	31/05/2021	3	900.000		11,21,29/5
3	Vũ Thùy Trang	Vsinh		300.000	'01/05/2021	31/05/2021	3	900.000		7,16,20/5
4	Vũ Thị Mận	Vsinh		300.000	'01/05/2021	31/05/2021	3	900.000		10,14,18/5
5	Vũ Thùy Dung	Vsinh		300.000	'01/05/2021	31/05/2021	5	1.500.000		5,8,11,13,19/5
6	Nguyễn Thị Thương	Vsinh		300.000	'01/05/2021	31/05/2021	6	1.800.000		9,10,12,,17,20,21/5
7	Dương Thị Hoài	Vsinh	gộp mẫu, phân tách mẫu, trực tiếp làm xét nghiệm SARS-CoV-2 tại bệnh viện	300.000	'01/05/2021	31/05/2021	7	2.100.000		10,11,12,20,21,26,31/5
8	Đào Thị Thùy	Vsinh		300.000	'01/05/2021	31/05/2021	6	1.800.000		10,12,19,21,24,28/5
9	Đỗ Thị Nhung	Vsinh		300.000	'01/05/2021	31/05/2021	5	1.500.000		5,11,20,25,27/5
10	Vũ Thị Hồng Yến	Vsinh		300.000	'01/05/2021	31/05/2021	1	300.000		10/5

11	Hoàng Thị Thu Trang	Vsinh	khám, chuẩn đoán, điều trị người nghi mắc covid tại khu vực cách ly bệnh viện	300.000	'01/05/2021	31/05/2021	5	1.500.000		10,11,12,19,21/5
12	Vũ Nguyệt Hòa	Vsinh		300.000	'01/05/2021	31/05/2021	2	600.000		20,21/5
14	Phạm Văn Ngà	BND		300.000	'01/05/2021	31/05/2021	26	7.800.000		Từ 1-26/5
15	Đinh Thị Hải Hà	BND		300.000	'01/05/2021	31/05/2021	5	1.500.000		Từ 27-31/5
16	Đào Thị Thu Hương	BND		300.000	'01/05/2021	31/05/2021	26	7.800.000		Từ 1-26/5
17	Nguyễn Lệ Hường	BND		300.000	'01/05/2021	31/05/2021	5	1.500.000		Từ 27-31/5
18	Lê Hải Yến	BND		300.000	'01/05/2021	31/05/2021	5	1.500.000		Từ 27-31/5
19	Trần Thị Hoài	BND		300.000	'01/05/2021	31/05/2021	26	7.800.000		Từ 1-26/5
20	Trần Thị Thu Ngân	BND		300.000	'01/05/2021	31/05/2021	26	7.800.000		Từ 1-26/5
Cộng I							175	52.500.000		
II	Người vận chuyển người bệnh, bệnh phẩm, bảo quản tử thi người bệnh, người giặt đồ vải, quần áo bác sĩ bệnh nhân, thu gom vỏ chai, lọ, hộp hóa chất; bảo vệ khu điều trị cách ly, vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh trong khu cách ly tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Người làm nhiệm vụ giám sát dịch tễ, theo dõi y tế tại cơ sở cách ly y tế tại nhà và cơ sở cách ly y tế theo chỉ định của cơ quan quản lý nhà nước; Người làm công việc súc rửa dụng cụ, pha chế môi trường tại cơ sở y tế để phục vụ cho phòng xét nghiệm SASR-CoV-2									
1	Phạm Quang Huy	PP KHTH		200.000	'01/05/2021	31/05/2021	6	1.200.000		4,8,15,20,22,27/5
2	Hoàng Quỳnh Hoa	TPTCCB		200.000	'01/05/2021	31/05/2021	6	1.200.000		2,5,10,14,19,23/5
3	Mai Thị Thanh Thủy			200.000	'01/05/2021	31/05/2021	6	1.200.000		7,11,16,20,25,31/5
4	Nguyễn Mạnh Cường	HCQT	TT, giám sát dịch tễ	200.000	'01/05/2021	31/05/2021	5	1.000.000		2,11,13,19,25/5
5	Nguyễn Thị Hải Thanh	TK KSNK	Kiểm tra, Giám sát KSNK	200.000	'01/05/2021	31/05/2021	7	1.400.000		1,6,11,15,19,25,28/5
6	Lưu Thị Tâm	K KSNK	Rửa dụng cụ, giặt đồ vải, quần áo BS, bệnh nhân, thu gom chai, hộp, hóa chất	200.000	'01/05/2021	31/05/2021	5	1.000.000		1,5,7,11,13,15,17,19,23,25,27/5
7	Nguyễn Thị Tuyết Hương	K KSNK		200.000	'01/05/2021	31/05/2021	7	1.400.000		2,4,6,8,10,12,14,16,18,20,24,26,28/5
8	Lương Thị Hồng Yến	K KSNK		200.000	'01/05/2021	31/05/2021	7	1.400.000		2,4,6,8,10,12,14,16,18,20,24,26,28/5
9	Đinh Thị An	K KSNK		200.000	'01/05/2021	31/05/2021	5	1.000.000		1,5,7,11,13,15,17,19,23,25,27/5
10	Trần Xuân Hải	K KSNK		200.000	'01/05/2021	31/05/2021	7	1.400.000		2,4,6,8,10,12,14,16,18,20,24,26,28/5

11	Nguyễn Ngọc Linh	K KSNK		200.000	01/05/2021	31/05/2021	5	1.000.000		1,5,7,11,13,15,17,19,23,25,27/5
12	Phạm Thị Bông	BND		200.000	01/05/2021	31/05/2021	31	6.200.000		Từ 1-31/5
							97	19.400.000		

DUYỆT LÃNH ĐẠO

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

NGƯỜI LẬP BIỂU



GIÁM ĐỐC

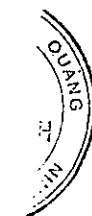
Trịnh Văn Mạnh

elt
Nguyễn Thị Vĩ

Như
Hoàng Quỳnh Hoa

hgh
Bùi Thị Nguyệt Ánh

SH
Ngô Thủy Quỳnh



SỞ Y TẾ QUẢNG NINH

Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP

Tháng 2,3/2021

ĐVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị	Mức hỗ trợ		Từ ngày (mm/dd/y)	Đến ngày (mm/dd/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân	Ghi chú
				Phụ cấp thường trực (130.000đ/ngày)	Tiền ăn (80.000đ /phiên trực)						
1	2			3	4	5	6	7=6-5	8=(3+4)*7	9	10
	Tổng cộng (I+II)										
I	Mức phụ cấp thường trực chống dịch 24/24h										
	TRỰC LÃNH ĐẠO BAN CHỐNG DỊCH COVID 8/2/2021 ĐẾN 28/2/2021									-	
1	Trịnh Văn Mạnh	Lãnh đạo Ban chống dịch	GĐBV	130.000		8/2/2021	28/2/2021	5	650.000		
2	Đặng Thị Thúy		PGĐ	130.000		8/2/2021	28/2/2021	4	520.000		
3	Nguyễn Huy Tiên		PGĐ	130.000		8/2/2021	28/2/2021	4	520.000		
4	Vũ Anh Tuấn		PGĐ	130.000		8/2/2021	28/2/2021	4	520.000		
5	Bùi Thị Nguyệt Ánh		TPKHT H	130.000		8/2/2021	28/2/2021	4	520.000		
	TRỰC LÃNH ĐẠO BAN CHỐNG DỊCH COVID THÁNG 3/2021							21	2.730.000		
1	Trịnh Văn Mạnh	Lãnh đạo Ban chống dịch	Giám đốc	130.000		01/3/2021	31/3/2021	7	910.000		
2	Đặng Thị Thúy		PGĐ	130.000		01/3/2021	31/3/2021	5	650.000		
3	Vũ Anh Tuấn		PGĐ	130.000		01/3/2021	31/3/2021	7	910.000		
4	Nguyễn Huy Tiên		PGĐ	130.000		01/3/2021	31/3/2021	6	780.000		
5	Bùi Thị Nguyệt Ánh		TPKHT H	130.000		01/3/2021	31/3/2021	6	780.000		
							31	4.030.000			
	Cộng						52	6.760.000			



DUYỆT LÃNH ĐẠO

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

NGƯỜI LẬP BIỂU

GIÁM ĐỐC

Trịnh Văn Mạnh

Nguyễn Thị Vũ

Hương Quỳnh Hoa

BSCKI: Bùi Thị Nguyệt Ánh

Đặng Thị Huệ Tuyết



0348950 207

BẢNG THANH TOÁN ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán/ủy nhiệm chi số: RDT21 ngày 06 tháng 10 năm 2021)

08/10

Tài khoản dự toán: 9527.2.1017339

Tài khoản tiền gửi :

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

2. Mã đơn vị: 1017339

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng : Số tài khoản: 440280701009 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam- CN Quảng Ninh

I. Nội dung đề nghị thanh toán: trực, thường trực covid tháng 5+6

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó							Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công thường xuyên lao động theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán	Tiền học bổng	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	Tổng cộng:			227.380.000					227.380.000			
1	Bui Duc Toan	44010000434323	BIDV Quảng Ninh	1.170.000					1.170.000			
2	Bui Nhu Quynh	44010000478118	BIDV Quảng Ninh	130.000					130.000			
3	Bui Thi Dieu	44010000817890	BIDV Quảng Ninh	260.000					260.000			
4	Bui Thi Huong	44010000477957	BIDV Quảng Ninh	130.000					130.000			
5	Bui Thi Nguyet Anh	44010000606052	BIDV Quảng Ninh	3.380.000					3.380.000			
6	Bui Thi Thanh Huong	44010000296055	BIDV Quảng Ninh	130.000					130.000			
7	Bui Van Trai	44010000381580	BIDV Quảng Ninh	2.470.000					2.470.000			
8	Chu Minh Tuan	44010000656844	BIDV Quảng Ninh	1.690.000					1.690.000			
9	Dang Thi Anh Tuyet	44010000646872	BIDV Quảng Ninh	2.470.000					2.470.000			
10	Dang Thi Lan Anh	44010000125335	BIDV Quảng Ninh	2.660.000					2.660.000			
11	Dang Thi Nguyet	44010000620308	BIDV Quảng Ninh	2.280.000					2.280.000			
12	Dang Thi Thuy	44010000090211	BIDV Quảng Ninh	3.640.000					3.640.000			

13	Dao Thi Thu Hoai	44010000206355	BIDV Quảng Ninh	600.000						600.000			
14	Dao Thi Thu Huong	44010000479661	BIDV Quảng Ninh	9.880.000						9.880.000			
15	Dao Thi Thuy	44010000813773	BIDV Quảng Ninh	4.500.000						4.500.000			
16	Dao Thuy Van	44010000084153	BIDV Quảng Ninh	780.000						780.000			
17	Dinh Ngoc Son	44010000477443	BIDV Quảng Ninh	260.000						260.000			
18	Dinh Thi An	44010000086715	BIDV Quảng Ninh	1.000.000						1.000.000			
19	Dinh Thi Hai Ha	44010000356144	BIDV Quảng Ninh	7.980.000						7.980.000			
20	Dinh Tuan Anh	44010000313802	BIDV Quảng Ninh	260.000						260.000			
21	Dinh Van Huy	44010000175154	BIDV Quảng Ninh	780.000						780.000			
22	Do Thi Hanh	44010000615508	BIDV Quảng Ninh	520.000						520.000			
23	Do Thi Ngan	44010000353109	BIDV Quảng Ninh	390.000						390.000			
24	Do Thi Nhung	44010000259021	BIDV Quảng Ninh	2.100.000						2.100.000			
25	Doan Thi Hoa Anh	44010000085013	BIDV Quảng Ninh	2.280.000						2.280.000			
26	Doan Van Vinh	44010000616060	BIDV Quảng Ninh	910.000						910.000			
27	Duong Thi Hoai	44010000478154	BIDV Quảng Ninh	2.100.000						2.100.000			
28	Hoang Ha My	44010000813807	BIDV Quảng Ninh	1.040.000						1.040.000			
29	Hoang Huu Tuan	44010000249484	BIDV Quảng Ninh	260.000						260.000			
30	Hoang Ngoc Hung	44010000118919	BIDV Quảng Ninh	130.000						130.000			
31	Hoang Quynh Hoa	44010000189322	BIDV Quảng Ninh	1.200.000						1.200.000			
32	Hoang Thi Phuong Thao	44010000616088	BIDV Quảng Ninh	130.000						130.000			
33	Hoang Thi Thu Trang	44010000199154	BIDV Quảng Ninh	2.100.000						2.100.000			
34	Hy Thi Lan	44010000529867	BIDV Quảng Ninh	260.000						260.000			
35	Kieu Van Anh	44010000084968	BIDV Quảng Ninh	1.170.000						1.170.000			
36	Le Duc Tuan	44010000811209	BIDV Quảng Ninh	390.000						390.000			
37	Le Hai Yen	44010000478303	BIDV Quảng Ninh	5.320.000						5.320.000			
38	Le Hoai Thanh	44010000085138	BIDV Quảng Ninh	4.030.000						4.030.000			
39	Le Thi Tho	44010000610479	BIDV Quảng Ninh	520.000						520.000			
40	Le Thuy Mai	44010000360826	BIDV Quảng Ninh	6.600.000						6.600.000			
41	Le Van Tuyen	44010000082582	BIDV Quảng Ninh	390.000						390.000			
42	Luc Van Tien	44010000085226	BIDV Quảng Ninh	1.950.000						1.950.000			

43	Luong Thi Hong Yen	44010000086292	BIDV Quảng Ninh	1.400.000						1.400.000			
44	Luu Thi Tam	44010000478093	BIDV Quảng Ninh	1.000.000						1.000.000			
45	Mai Thi Thanh Thuy	44010000084409	BIDV Quảng Ninh	1.200.000						1.200.000			
46	Ngo Van Kien	44010000530577	BIDV Quảng Ninh	520.000						520.000			
47	Nguyen Dang Lam	44010000083080	BIDV Quảng Ninh	600.000						600.000			
48	Nguyen Diep Linh	44010000817322	BIDV Quảng Ninh	260.000						260.000			
49	Nguyen Huy Tien	44010000053579	BIDV Quảng Ninh	3.510.000						3.510.000			
50	Nguyen Le Huong	44010000083503	BIDV Quảng Ninh	5.320.000						5.320.000			
51	Nguyen Manh Cuong	44010000086797	BIDV Quảng Ninh	1.000.000						1.000.000			
52	Nguyen Ngoc Linh	44010000259474	BIDV Quảng Ninh	1.800.000						1.800.000			
53	Nguyen Thanh Tung	44010000529399	BIDV Quảng Ninh	650.000						650.000			
54	Nguyen Thi Anh Trang	44010000083567	BIDV Quảng Ninh	2.470.000						2.470.000			
55	Nguyen Thi Hai Thanh	44010000084366	BIDV Quảng Ninh	2.200.000						2.200.000			
56	Nguyen Thi Hai Yen	44010000810677	BIDV Quảng Ninh	2.210.000						2.210.000			
57	Nguyen Thi Hang	44010000528086	BIDV Quảng Ninh	390.000						390.000			
58	Nguyen Thi Hoang Yen	44010000083354	BIDV Quảng Ninh	2.080.000						2.080.000			
59	Nguyen Thi Huong	44010000119824	BIDV Quảng Ninh	130.000						130.000			
60	Nguyen Thi Huong	44010000199358	BIDV Quảng Ninh	1.520.000						1.520.000			
61	Nguyen Thi Phuong Thao	44010000479643	BIDV Quảng Ninh	3.040.000						3.040.000			
62	Nguyen Thi Thu Phuong	44010000205583	BIDV Quảng Ninh	2.600.000						2.600.000			
63	Nguyen Thi Thu Trang	44010000615650	BIDV Quảng Ninh	650.000						650.000			
64	Nguyen Thi Thuong	44010000701498	BIDV Quảng Ninh	4.200.000						4.200.000			
65	Nguyen Thi Tuyen Huong	44010000086265	BIDV Quảng Ninh	2.400.000						2.400.000			
66	Nguyen Thi Ut	44010000530160	BIDV Quảng Ninh	1.430.000						1.430.000			
67	Nguyen Thien Mung	44010000085402	BIDV Quảng Ninh	1.950.000						1.950.000			
68	Nguyen Trung Kien	44010000592045	BIDV Quảng Ninh	1.300.000						1.300.000			
69	Nguyen Van Manh	44010000205501	BIDV Quảng Ninh	130.000						130.000			
70	Pham Cam Van	44010000085271	BIDV Quảng Ninh	130.000						130.000			
71	Pham Ngoc Bich	44010000120428	BIDV Quảng Ninh	390.000						390.000			
72	Pham Quang Huy	44010000149405	BIDV Quảng Ninh	2.370.000						2.370.000			

73	Pham Thi Bong	44010000083150	BIDV Quảng Ninh	20.080.000					20.080.000			
74	Pham Thi Ha	44010000705968	BIDV Quảng Ninh	130.000					130.000			
75	Pham Thi Lan Huong	44010000086104	BIDV Quảng Ninh	400.000					400.000			
76	Pham Thi Minh Hien	44010000701416	BIDV Quảng Ninh	1.170.000					1.170.000			
77	Pham Thi Phuong Thuy	44010000120844	BIDV Quảng Ninh	2.210.000					2.210.000			
78	Pham Thu Ha	44010000206665	BIDV Quảng Ninh	130.000					130.000			
79	Pham Van Nga	44010000473812	BIDV Quảng Ninh	9.880.000					9.880.000			
80	Phan Thi Thu Thuy	44010000409765	BIDV Quảng Ninh	2.660.000					2.660.000			
81	Phan Van Thien	44010000539538	BIDV Quảng Ninh	130.000					130.000			
82	Tran Manh Vu	44010000592470	BIDV Quảng Ninh	780.000					780.000			
83	Tran Nhat Toan	44010000476158	BIDV Quảng Ninh	780.000					780.000			
84	Tran Phuong Thuy	44010000620450	BIDV Quảng Ninh	1.170.000					1.170.000			
85	Tran Thi Bay	44010000239379	BIDV Quảng Ninh	130.000					130.000			
86	Tran Thi Hoai	44010000818741	BIDV Quảng Ninh	9.880.000					9.880.000			
87	Tran Thi Ly	44010000810598	BIDV Quảng Ninh	3.040.000					3.040.000			
88	Tran Thi Thu Ngan	44010000812503	BIDV Quảng Ninh	9.880.000					9.880.000			
89	Tran Van Tung	44010000421565	BIDV Quảng Ninh	4.200.000					4.200.000			
90	Tran Xuan Hai	44010000085253	BIDV Quảng Ninh	2.000.000					2.000.000			
91	Trinh Thi Lan	44010000205495	BIDV Quảng Ninh	520.000					520.000			
92	Trinh Van Manh	44010000259553	BIDV Quảng Ninh	3.900.000					3.900.000			
93	Truong Thi Chieu Xuan	44010000701586	BIDV Quảng Ninh	1.040.000					1.040.000			
94	Vu Anh Tuan	44010000087806	BIDV Quảng Ninh	3.900.000					3.900.000			
95	Vu Nguyet Hoa	44010000382079	BIDV Quảng Ninh	1.200.000					1.200.000			
96	Vu Phuong Tien	44010000591264	BIDV Quảng Ninh	780.000					780.000			
97	Vu Thi Hai Yen	44010000102718	BIDV Quảng Ninh	3.510.000					3.510.000			
98	Vu Thi Hong Yen	44010000612688	BIDV Quảng Ninh	1.940.000					1.940.000			
99	Vu Thi Huong	44010000479528	BIDV Quảng Ninh	780.000					780.000			
100	Vu Thi Man	44010000616644	BIDV Quảng Ninh	3.000.000					3.000.000			
101	Vu Thi Nhai	44010000086195	BIDV Quảng Ninh	1.000.000					1.000.000			
102	Vu Thi Phuong Ngan	44010000701045	BIDV Quảng Ninh	520.000					520.000			

103	Vu Thuy Dung	44010000820454	BIDV Quảng Ninh	3.600.000					3.600.000			
104	Vu Thuy Trang	44010000616635	BIDV Quảng Ninh	3.300.000					3.300.000			
105	Vu Tuyen Minh	44010000178764	BIDV Quảng Ninh	130.000					130.000			
106	Vu Viet Anh	44010000120659	BIDV Quảng Ninh	520.000					520.000			

Bằng chữ: Hai trăm hai mươi bảy triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng

XÁC NHẬN CỦA NGÂN HÀNG

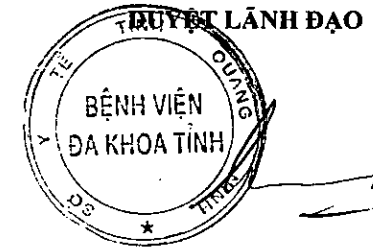
LẬP BIỂU

KÊ TOÁN TRƯỞNG

BIDV CHI NHÁNH QUẢNG NINH
PHÒNG GIAO DỊCH KHÁCH HÀNG
Đã nhận ngày...../...../.....
GDV KIỂM SOÁT

NGUYỄN THÀNH TRUNG

NGUYỄN THỊ VINH



TRỊNH VĂN MẠNH

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày tháng năm 2021

Chuyên viên kiểm soát chi/giao dịch viên

Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng
được ủy quyền/Giám đốc KBNN quận huyện

